

BẬT CẬP TRONG VIỆC ĐỀ RA YÊU CẦU ĐIỀU TRA CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

Phạm Trung Hiếu¹
Email: hieupham213@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 09/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 07/11/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 21/11/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1013

Tóm tắt: Yêu cầu điều tra (YCĐT) của Viện kiểm sát (VKS) trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là công cụ pháp lý quan trọng nhằm bảo đảm hoạt động điều tra diễn ra đúng hướng, khách quan, toàn diện và đúng pháp luật. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc đề ra Yêu cầu điều tra còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án. Bài viết phân tích các bất cập và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này, góp phần hoàn thiện cơ chế thực hành quyền công tố trong bối cảnh cải cách tư pháp hiện nay.

Từ khóa: yêu cầu điều tra, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, giai đoạn điều tra, vụ án hình sự

I. Đặt vấn đề

Trong tố tụng hình sự, giai đoạn điều tra vụ án được xem là mắt xích quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Theo Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, VKS với chức năng thực hành quyền công tố được trao quyền đề ra YCĐT, nhằm định hướng quá trình điều tra diễn ra đúng pháp luật, bảo đảm tính khách quan, toàn diện và đầy đủ. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy việc thực hiện chức năng này vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng điều tra, cũng như các giai đoạn truy tố và xét xử sau đó. Vì vậy, việc nhận diện rõ những bất cập và đề

xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đề ra YCĐT của VKS trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là yêu cầu cấp thiết, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay nước ta đang đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp.

II. Cơ sở lý thuyết

Trong tố tụng hình sự, VKS giữ vai trò trung tâm trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra. Quyền năng và trách nhiệm này được pháp luật quy định rõ ràng, đặc biệt thông qua Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) năm 2014 và BLTTHS năm 2015. Theo đó, VKS có thẩm quyền đề ra YCĐT, buộc cơ quan điều tra (CQĐT), cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một

¹ Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

số hoạt động điều tra thực hiện nhằm làm rõ tội phạm, người phạm tội. Các quy chế nghiệp vụ của ngành Kiểm sát (Quyết định số 03/2017 (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, 2017), Quyết định số 111/2020 (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, 2020a)) còn quy định chi tiết trách nhiệm của kiểm sát viên (KSV) khi ban hành YCĐT, bảo đảm yêu cầu được nêu rõ ràng, cụ thể, sát với diễn biến vụ án.

Đặc điểm nổi bật của YCĐT là tính bắt buộc trong thi hành. Khoản 1 Điều 167 BLTTHS năm 2015 quy định CQĐT và cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra phải thực hiện đầy đủ YCĐT của VKS; ngay cả khi có quan điểm khác, các cơ quan này vẫn phải chấp hành và chỉ được quyền kiến nghị lên cấp trên. Cơ chế này khẳng định giá trị pháp lý của YCĐT, đồng thời củng cố hiệu lực hoạt động công tố trong giai đoạn điều tra. Bên cạnh đó, pháp luật cũng đặt ra cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa VKS và CQĐT. KSV có trách nhiệm chủ động trao đổi, phối hợp, giám sát việc thực hiện YCĐT; nếu yêu cầu không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, VKS có quyền kiến nghị. Những quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2017 (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, & Tòa án nhân dân tối cao, 2017), Thông tư liên tịch số 04/2018 (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, & Bộ Quốc phòng, 2018) và Chỉ thị số 05/2020 (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, 2020b) đều nhấn mạnh yêu cầu này, coi việc không chấp hành YCĐT là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung, làm giảm hiệu quả xử lý vụ án.

Từ nền tảng pháp lý trên, có thể khái quát một số đặc điểm cơ bản của YCĐT. *Về hình thức*, YCĐT có thể được thực

hiện bằng lời nói trong trường hợp trực tiếp kiểm sát hoạt động điều tra, nhưng nhìn chung phải lập thành văn bản, nêu rõ những chứng cứ, tài liệu cần thu thập và được đưa vào hồ sơ vụ án. *Về thời điểm*, YCĐT chỉ phát sinh trong giai đoạn điều tra, kể từ khi có quyết định khởi tố vụ án cho đến trước khi CQĐT ban hành kết luận điều tra. *Về chủ thể*, VKS là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành YCĐT, thể hiện chức năng Hiến định trong thực hành quyền công tố. *Về đối tượng thực hiện*, CQĐT và các cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra có nghĩa vụ thi hành nghiêm túc YCĐT, kể cả khi không đồng tình với nội dung yêu cầu. *Về mục đích*, YCĐT nhằm định hướng quá trình điều tra, làm rõ sự thật khách quan, xác định đúng tội phạm và người phạm tội, bảo đảm điều tra toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật, qua đó phòng ngừa bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội.

Từ những phân tích trên có thể hiểu: “Yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là văn bản tố tụng do Viện kiểm sát ban hành, hoặc lời nói của Kiểm sát viên trong khi thực hành quyền công tố, nhằm xác định những vấn đề cần làm rõ, yêu cầu cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra tiến hành thu thập, củng cố chứng cứ, làm rõ tội phạm và người phạm tội, cũng như hoàn thiện thủ tục tố tụng, bảo đảm việc điều tra khách quan, toàn diện và đúng pháp luật”.

III. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nhằm đảm bảo tính toàn diện và khoa học cho bài viết:

Trước hết, các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, nghiên cứu tài

liệu và suy luận logic được áp dụng để đánh giá và làm rõ những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn việc đề ra YCĐT của VKS. Những phương pháp này giúp hệ thống hóa cơ sở lý thuyết và thực tiễn.

Bên cạnh đó, để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này, tác giả vận dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, suy luận logic kết hợp với tham vấn chuyên gia. Việc tham khảo ý kiến chuyên gia giúp đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của các giải pháp, đồng thời bổ sung những góc nhìn mới nhằm hoàn thiện đề xuất về pháp lý và phương thức thực hiện YCĐT của VKS trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Tồn tại, hạn chế trong việc đề ra Yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát

Trong những năm qua, ngành Kiểm sát đã tích cực triển khai quyền đề ra YCĐT được quy định tại khoản 6 Điều 165 BLTTHS năm 2015. Mặc dù quy định pháp luật đã tương đối đầy đủ nhưng thực tiễn vẫn tồn tại nhiều hạn chế:

Thứ nhất, YCĐT thiếu tính cụ thể và khả thi:

Nhiều YCĐT có nội dung chung chung, không chỉ ra nội dung mâu thuẫn cụ thể hoặc đề xuất phương pháp thu thập, củng cố chứng cứ, yêu cầu những vấn đề mà CQĐT đã thực hiện, những vấn đề khó xác minh, điều tra được, như “*yêu cầu làm rõ hành vi phạm tội của bị can*”; “*yêu cầu tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật*”; “*yêu cầu làm rõ ngoài lần phạm tội này thì bị can còn thực hiện hành vi phạm tội nào khác không*”. Điển hình: Vụ án Nguyễn Văn A và đồng phạm (xảy ra tại Quảng Ninh năm 2021) về tội “Buôn lậu” theo Điều 188 Bộ luật Hình sự (BLHS)

năm 2015: VKS đề ra yêu cầu “*làm rõ vai trò của các đối tượng tham gia đường dây*” nhưng không xác định nhóm đối tượng và tài liệu cần bổ sung. CQĐT phản hồi rằng yêu cầu này trùng lặp với các biện pháp điều tra họ đã thực hiện. Kết quả, khi hồ sơ kết thúc điều tra, vẫn còn nhiều vấn đề mâu thuẫn chưa được làm rõ về nguồn gốc hàng hóa, dẫn đến việc hồ sơ bị trả lại để điều tra bổ sung.

Thứ hai, việc đề ra yêu cầu điều tra còn chậm, thiếu chủ động:

Theo Điều 167 BLTTHS năm 2015, CQĐT có trách nhiệm thực hiện YCĐT của VKS trong suốt giai đoạn điều tra. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều YCĐT chỉ được ban hành vào giai đoạn cuối, khi CQĐT đã có bản kết luận điều tra. Điều này khiến việc thực hiện điều tra bổ sung trở nên khó khả thi. Một ví dụ điển hình là vụ án Trần Văn T và đồng phạm (xảy ra tại Đắk Lắk năm 2020) về tội “*Tham ô tài sản*” theo Điều 353 BLHS năm 2015. Trong vụ việc này, VKS chỉ ban hành YCĐT sau khi nhận được kết luận điều tra, yêu cầu “*làm rõ trách nhiệm của kế toán trưởng*” và “*xác định số tiền thất thoát chính xác*”. Tuy nhiên, CQĐT phản hồi rằng, thời hạn điều tra đã hết nên không thể thực hiện được yêu cầu. Hậu quả là hồ sơ bị trả lại hai lần, kéo dài đáng kể quá trình giải quyết vụ án.

Thứ ba, YCĐT chưa đầy đủ, toàn diện dẫn tới việc khởi tố vụ án, bị can chưa chính xác, đầy đủ tội danh.

Trong nhiều trường hợp, YCĐT của VKS chỉ tập trung làm rõ một số tình tiết riêng lẻ mà chưa bao quát toàn bộ hành vi phạm tội. Hệ quả là CQĐT có thể khởi tố sai tội danh hoặc thiếu tội danh, khiến hồ sơ không phản ánh đúng bản chất vụ án.

Điều này dễ dẫn tới việc hồ sơ bị trả để điều tra bổ sung hoặc hủy án để điều tra lại. Ví dụ điển hình là vụ án Đỗ Văn Ch (xảy ra tại Long An năm 2021) về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo Điều 175 và Điều 341 BLHS năm 2015. Trong vụ án này, YCĐT của VKS không đúng định hướng khi xác định sai tư cách người bị hại cũng như động cơ, mục đích phạm tội của bị can. Điều đó dẫn đến việc khởi tố và điều tra sai tội danh. Sau đó, Tòa án Nhân dân (TAND) cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã hủy bản án để điều tra lại, đồng thời chuyển tội danh từ “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” sang “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 174 BLHS năm 2015.

Thứ tư, yêu cầu điều tra chưa kịp thời phát hiện và khắc phục vi phạm của CQĐT, làm tăng nguy cơ bỏ lọt tội phạm và người phạm tội:

Trên thực tế, nhiều YCĐT chỉ dừng lại ở việc làm rõ chứng cứ buộc tội mà chưa kịp thời phát hiện hoặc yêu cầu xử lý những thiếu sót trong quá trình điều tra, như: chứng cứ thu thập chưa đầy đủ, lời khai còn mâu thuẫn hoặc xác định chưa đúng đối tượng phạm tội. Hậu quả là có hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không được xử lý kịp thời, ảnh hưởng đến hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Đức Uy T (xảy ra tại Đắk Lắk năm 2021) về tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” theo Điều 142 BLHS 2015. Trong quá trình giải quyết, Viện kiểm sát chưa kịp thời đề ra yêu cầu điều tra để làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai và thu thập đầy đủ chứng cứ liên quan đến hành vi quan hệ tình dục giữa

Nguyễn Duy Ph (sinh năm 1998) và cháu Mạc Hoàng Ngọc S (sinh năm 2006). Do thiếu chỉ đạo cụ thể, khi hồ sơ được chuyển lên Công an tỉnh Đắk Lắk, cả Nguyễn Duy Ph và cháu S đều đã rời khỏi địa phương. Kết quả là hành vi phạm tội của Nguyễn Duy Ph không được điều tra, xử lý, gây bức xúc trong dư luận.

Thứ năm, YCĐT chưa chú trọng đến việc thu thập chứng cứ để giải quyết các vấn đề dân sự trong vụ án.

Trong nhiều vụ án, YCĐT thường chỉ tập trung làm rõ hành vi phạm tội và các yếu tố cấu thành tội phạm (CTTP) mà chưa quan tâm đầy đủ đến các vấn đề dân sự liên quan, như xác định thiệt hại, trách nhiệm bồi thường, hoàn trả tài sản hoặc biện pháp khắc phục hậu quả. Sự bỏ sót này khiến vụ án không được giải quyết toàn diện, làm kéo dài thời hạn tố tụng và phát sinh tranh chấp, khiếu kiện dân sự sau khi bản án hình sự đã có hiệu lực. Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại và các đương sự mà còn làm giảm hiệu quả cũng như tính thuyết phục của hoạt động tố tụng. Ví dụ: Vụ án Đỗ Văn T (xảy ra tại Nam Định năm 2023) về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo Điều 260 BLHS năm 2015. Trong vụ án này, KSV đã ban hành YCĐT nhưng chỉ tập trung làm rõ hành vi vi phạm quy định giao thông, mà không yêu cầu CQĐT xác định cụ thể giá trị tài sản thiệt hại, hư hỏng. Do thiếu chứng cứ về phần dân sự, hồ sơ bị Tòa án trả lại để điều tra bổ sung, dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết và gây khó khăn trong việc bảo đảm quyền lợi chính đáng của các bên liên quan

Thứ sáu, hạn chế trong công tác phối hợp giữa VKS và CQĐT trong việc thực hiện YCĐT:

Mặc dù ở nhiều vụ án, sự phối hợp giữa hai cơ quan nhìn chung khá hiệu quả, song thực tế vẫn còn tình trạng một số YCĐT của VKS không được CQĐT thực hiện hoặc chỉ thực hiện một phần. Điều này làm giảm hiệu lực của YCĐT, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và tiến độ giải quyết vụ án.

Ví dụ 1: Vụ án Lê Bảo Ch (TP. Hồ Chí Minh, 2023) về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo Điều 260 BLHS 2015. Trong vụ án này, Viện kiểm sát đã ban hành yêu cầu điều tra với 05 nhóm vấn đề cần làm rõ. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra cho rằng hành vi chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không triển khai. Chỉ khi vụ án được chuyển lên Công an TP. Hồ Chí Minh thụ lý thì mới được khởi tố, điều tra, truy tố và cuối cùng bị can Lê Bảo Ch bị tuyên phạt 01 năm tù.

Ví dụ 2: Vụ án Trần Văn P và Lê Minh H (Kon Tum, 2024) về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 BLHS 2015. Trong quá trình giải quyết, Kiểm sát viên đã yêu cầu làm rõ nhiều vấn đề quan trọng như: mâu thuẫn trong lời khai về hung khí và số lần bị đánh, nhân thân bị can, phần bồi thường thiệt hại, cũng như việc thu thập hồ sơ bệnh án để xác định tỷ lệ thương tật. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không tiến hành đối chất, không lấy lời khai nhân chứng, cũng không thu thập hồ sơ y tế. Chỉ sau khi lãnh đạo Viện kiểm sát có văn bản gửi Thủ trưởng Cơ quan điều tra thì các yêu cầu này mới được thực hiện.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả đề ra yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát

Để khắc phục những hạn chế trên cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến YCĐT của VKS:

- Nghiên cứu hướng dẫn chi tiết các quy định mang tính chất tùy nghi, định tính trong luật và văn bản hướng dẫn, như quy định: “*khi cần thiết*” tại điểm d, khoản 3, điều 3 Luật tổ chức VKSND năm 2014; “*khi cần làm rõ*” tại khoản 1 Điều 26 Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2017 (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, 2017); “*trường hợp thấy*” tại Điều 47 Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và truy tố kèm theo Quyết định số 111/QĐ-VKSNDTC ngày 17/4/2020 (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, 2020a); “*nếu thấy cần thiết*”, “*có thể*” tại Điều 11 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, & Bộ Quốc phòng, 2018).

- Nghiên cứu sửa đổi quy định tại khoản 2, Điều 11, Thông tư liên tịch số: 04/2018/TTLT/VKSTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, & Bộ Quốc phòng, 2018): “*Trường hợp CQĐT không thực hiện YCĐT của VKS, ... thì CQĐT phải nêu rõ lý do trong bản kết luận điều tra*” theo hướng cụ thể, rõ ràng hơn: “*Chỉ trường hợp CQĐT không thể thực hiện được những YCĐT của VKS vì lý do khách quan, bất khả kháng thì mới được chấp nhận và nêu rõ lý do trong bản kết luận điều tra; còn những trường hợp vì lý do chủ quan, cẩu thả, thiếu trách nhiệm của CQĐT thì không thể chấp nhận mà phải yêu cầu CQĐT thực hiện các nội dung YCĐT của VKS*”.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2015 nhằm quy định rõ trách nhiệm thực hiện YCĐT và quyền

của VKS trong yêu cầu thay đổi điều tra viên (ĐTV). Theo đó, tại Điều 88 và Điều 179 BLTTHS năm 2015 cần quy định rõ: “ĐTV, CQĐT có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, kịp thời YCĐT của VKS. Trường hợp không thực hiện phải có lý do hợp pháp và phải báo cáo bằng văn bản cho Thủ trưởng CQĐT và VKS để thống nhất, đồng thời cần thiết lập chế tài xử lý nghiêm đối với ĐTV cố ý không thực hiện hoặc thực hiện hình thức”. Bên cạnh đó, để tăng cường quyền hạn và công cụ pháp lý cho VKS, cần bổ sung vào Điều 49 và Điều 51 BLTTHS năm 2015 quy định về “*quyền yêu cầu thay đổi ĐTV khi có căn cứ xác định người này thiếu trách nhiệm, thực hiện không đầy đủ hoặc bỏ qua YCĐT mà không có lý do chính đáng*”.

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng YCĐT với các nhóm tiêu chuẩn sau: i) *Tính pháp lý, hợp chuẩn*: YCĐT phải căn cứ đúng quy định pháp luật, phù hợp với phạm vi điều tra. Không ban hành yêu cầu vượt quá thẩm quyền hoặc trái quy định của pháp luật TTHS; ii) *Tính cụ thể*, rõ ràng: Nội dung yêu cầu phải xác định rõ đối tượng, hành vi, tình tiết cần làm rõ. Tránh diễn đạt chung chung hoặc lặp lại quy định pháp luật mà không chỉ rõ biện pháp cần thực hiện; iii) *Tính khả thi*: YCĐT phải gắn với điều kiện thực tế của vụ án, có thể thực hiện được trong thời hạn điều tra. Không yêu cầu thu thập chứng cứ không còn tồn tại hoặc không thể xác minh; iv) *Tính cần thiết, phù hợp*: YCĐT phải gắn với yêu cầu chứng minh vụ án, tránh yêu cầu mang tính dư thừa hoặc không liên quan đến vấn đề cần giải quyết; v) *Tính hiệu quả thực hiện*: đo bằng tỷ lệ YCĐT được CQĐT thực hiện đầy đủ. Đánh giá mức độ tác động của YCĐT đến việc làm rõ tình tiết vụ án, hạn chế trả hồ sơ điều tra bổ sung, điều tra lại.

Thứ hai, nhóm giải pháp về chuyên môn, nghiệp vụ:

Một là, nâng cao năng lực, trình độ và kỹ năng cho đội ngũ Kiểm sát viên:

Tăng cường đào tạo chuyên sâu về pháp luật TTHS, kỹ năng phân tích chứng cứ, lập luận và soạn thảo yêu cầu điều tra. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề gắn với tình huống thực tiễn; xây dựng cơ chế trao đổi nghiệp vụ, rút kinh nghiệm từ các vụ án điển hình. Khuyến khích KSV tự nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu số để hỗ trợ phân tích vụ án. Đồng thời, có chính sách đánh giá, khen thưởng kịp thời để tạo động lực nâng cao chất lượng bản YCĐT.

Hai là, tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS:

Để nâng cao hiệu quả YCĐT, VKS và CQĐT cần tăng cường phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên, tránh tình trạng cục bộ nhưng vẫn bảo đảm khách quan, làm rõ sự thật vụ án. VKS cần chủ động ký kết quy chế phối hợp với CQĐT, quy định rõ cơ chế trao đổi và thực hiện YCĐT. Các cuộc họp giao ban định kỳ giữa hai ngành phải được duy trì để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ KSV và ĐTV phối hợp hiệu quả. Đối với những vụ án lớn, phức tạp, nhạy cảm, cần tổ chức họp thường xuyên để cùng đánh giá tiến độ, thống nhất hướng điều tra; trường hợp còn vướng mắc thì kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng hoặc Ban Nội chính cùng cấp để có chỉ đạo kịp thời.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đề ra YCĐT của VKS:

Lãnh đạo VKS cần thường xuyên quán triệt, nâng cao nhận thức cho KSV về vai trò của YCĐT trong giải quyết án

hành sự. Chủ động ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch để nâng cao chất lượng bản YCĐT và chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai. Đồng thời, theo dõi sát tiến độ điều tra, hướng dẫn KSV nghiên cứu hồ sơ, kịp thời đôn đốc, kiểm tra việc phối hợp với CQĐT. Với các vụ án phức tạp, lãnh đạo VKS phải trực tiếp chỉ đạo, yêu cầu báo cáo, thẩm tra chứng cứ khi cần và phê duyệt bản YCĐT trước khi ban hành.

V. Kết luận

Việc đề ra YCĐT là công cụ quan trọng giúp VKS thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố, bảo đảm hoạt động điều tra diễn ra khách quan, toàn diện và đúng pháp luật. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy công tác này vẫn còn nhiều hạn chế: nội dung YCĐT thiếu cụ thể, thiếu tính khả thi; việc ban hành còn chậm, thiếu chủ động; YCĐT chưa đầy đủ, toàn diện, dẫn đến khởi tố chưa chính xác, sai tội danh; chưa kịp thời phát hiện và yêu cầu khắc phục vi phạm của CQĐT; chưa quan tâm đúng mức đến việc thu thập chứng cứ liên quan đến vấn đề dân sự; và phối hợp giữa hai cơ quan trong thực hiện YCĐT còn hạn chế. Những tồn tại này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó nổi bật là: quy định pháp luật về YCĐT của VKS còn bất cập; năng lực, trình độ, kỹ năng của một bộ phận KSV chưa đồng đều; cơ chế phối hợp giữa CQĐT và VKS chưa chặt chẽ; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đề ra YCĐT chưa được quan tâm đúng mức. Hệ quả là chất lượng điều tra bị ảnh hưởng, tiềm ẩn nguy cơ oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Để khắc phục, cần triển khai đồng bộ các giải pháp: *Một là*, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến YCĐT của

VKS; *Hai là*, nhóm giải pháp về chuyên môn, nghiệp vụ, bao gồm: (i) nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng cho đội ngũ KSV; (ii) tăng cường cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa CQĐT và VKS; (iii) đẩy mạnh sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trong việc đề ra và thực hiện YCĐT. Chỉ khi các giải pháp trên được thực hiện nghiêm túc và đồng bộ, YCĐT mới thực sự trở thành “công cụ sắc bén” của VKS, góp phần xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo vệ công lý, quyền con người và nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). (2015). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- [2]. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. (2015). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- [3]. Hiến pháp hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2013). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- [4]. Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014. (2014). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- [5]. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. (2017). Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2017 về việc ban hành Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố.
- [6]. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. (2020a). Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 17/04/2020 về việc ban hành Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố.
- [7]. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. (2020b, 27 tháng 4). Chỉ thị số 05/2020/CT-VKSTC về tăng cường trách nhiệm công tố trong giải quyết các vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- [8]. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, & Tòa án nhân dân tối cao. (2017, 22 tháng 12). Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
- [9]. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, & Bộ Quốc phòng. (2018, 19 tháng 10). Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP quy định về phối hợp giữa cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.
- [10]. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. (n.d.). *Báo cáo Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2022*.
- [11]. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. (n.d.). *Báo cáo Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2023*.
- [12]. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. (n.d.). *Báo cáo Tổng kết công tác Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra năm 2022*.
- [13]. Tòa án nhân dân tối cao. (n.d.). Trang thông tin điện tử Công bố bản án, quyết định của tòa án. <https://congbobanan.toaan.gov.vn/>

INCONSISTENCIES IN THE ISSUANCE OF INVESTIGATION REQUESTS BY THE PEOPLE'S PROCURACY DURING THE INVESTIGATIVE STAGE OF CRIMINAL CASES

Pham Trung Hieu¹

Abstract: *The investigation request issued by the People's Procuracy during the investigative stage of a criminal case is an essential legal tool to ensure that the investigation process proceeds in the right direction, objectively, comprehensively, and in accordance with the law. However, in practice, the issuance of investigation requests still faces many limitations, which affect the quality of case resolution. This article analyzes these shortcomings and proposes solutions to enhance the effectiveness of this activity, thereby improving the mechanism for exercising prosecutorial authority in the context of ongoing judicial reform.*

Keywords: *investigation request, people's procuracy, investigative stage, criminal case*

¹ Institute of Social Sciences of Central Vietnam and Central Highlands